

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG**  
**KHOA SƯ PHẠM XÃ HỘI**



*Bài giảng học phần*

# **VĂN HỌC TRUNG QUỐC**

**Chương trình Đại học ngành Sư phạm Ngữ văn**

Giảng viên: Lê Văn Mẫu

Khoa: Sư phạm Xã hội

*Quảng Ngãi, tháng 3 năm 2021*

# VĂN HỌC TRUNG QUỐC

## 中国文学

### A. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Giúp sinh viên lĩnh hội được các kiến thức cơ bản sau đây:

- Diện mạo văn học Trung Quốc, một bộ phận rất quan trọng trong bộ môn văn học thế giới. Sinh viên nắm bắt cơ bản về văn học tiêu biểu của một nước phương Đông như: một nền văn học lâu đời, phong phú, đa dạng và nhiều tinh hoa.

- Văn học Trung Quốc trong quá trình vận động, sáng tạo và cách tân về hình thức nghệ thuật lẫn thể tài. Dựa vào trên hai trục tiến trình thời gian (từ thời cổ đại đến đương đại) và thể loại (tiêu biểu: thơ Đường, từ Tống, kịch Nguyên, tiểu thuyết Minh – Thanh...), văn học Trung Quốc dần tương thông ra thế giới.

- Thông qua diện rộng và những điểm chính (những tác gia và tác phẩm tiêu biểu), thông qua bề dày của văn học Trung Quốc tiêu biểu cho tư tưởng và triết học phương Đông, ảnh hưởng sâu rộng đến các nước châu Á và thế giới, giúp sinh viên có kiến thức và thao tác tư duy dưới góc độ văn học so sánh.

- Hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản tác phẩm, dạy tốt các tác phẩm văn học Trung Quốc có trong chương trình phổ thông.

### B. HỌC LIỆU

#### *Học liệu bắt buộc*

[1] Nguyễn Khắc Phi, Lương Duy Thứ (1998), *Văn học Trung Quốc*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2] Lương Duy Thứ (1994), *Văn học Trung Quốc*, Huế.

[3] Chương Bồi Hoàn, Lạc Minh Ngọc (2000), *Văn học Trung Quốc* (3 tập), Nxb Phụ nữ.

#### *Học liệu tham khảo:*

[1] Việt Cường, *Truyện dân gian Trung Quốc* (2006), Nxb Lao động- XH.

[2] Lâm Ngữ Đường, *Nhân sinh quan và thơ văn Trung Hoa* (1970), Nxb Ca dao.

[3] Huỳnh Minh Đức (biên dịch), *Văn học Trung Quốc* (1975), Nxb Minh Tâm, Sài Gòn.

- [4] Cao Hữu Công- Mai Tô Lân, *Nghệ thuật ngôn ngữ thơ Đường* (2000), Trần Đình Sử, Lê Tâm dịch, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [5] Trần Xuân Đề, *Tiểu thuyết cổ điển Minh- Thanh* (1994), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Trần Xuân Đề, *Khuất Nguyên-nhà thơ yêu nước* (1976), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [7]. Lê Giảng , *Đến với thơ Đỗ Phủ* (1999), Nxb Thanh Niên.
- [8] Nguyễn Thị Bích Hải, *Văn học châu Á trong trường phổ thông* (2002), Nxb Giáo dục.
- [9] Nguyễn Thị Bích Hải, *Bình giảng thơ Đường* (2003), Nxb Giáo dục.
- [10] Nguyễn Thị Bích Hải, *Tiến trình văn học Trung Quốc đương đại* (2001), Đề tài khoa học cấp Bộ.
- [11] Nguyễn Thị Bích Hải, *Thi pháp thơ Đường* (1995), Nxb Thuận Hóa.
- [12] Dur Hóa, *Gào thét trong mưa bụi* (2008), Nxb Công an nhân dân.
- [13] Cao Hành Kiện, *Thánh kinh của một con người* (2007), Nxb Văn học.
- [14] Nguyễn Hiến Lê, *Đại cương văn học Trung Quốc* (1964), Nxb Sài Gòn.
- [15] Phương Lưu, *Tinh hoa lý luận văn học Trung Quốc* (1976), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [16] Phương Lưu, *Lỗ Tấn- nhà lý luận văn học* (1997), Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [17] Bô Tùng Linh, *Liêu trai chí dị* (1992), Nxb Văn học, Hà Nội.
- [18] Thanh Tâm Tài Nhân, *Kim Vân Kiều truyện* (1998), Nxb Hải Phòng.
- [19] Nguyễn Khắc Phi, *Thơ văn cổ Trung Hoa mảnh đất quen mà lạ* (1998), Nxb Giáo dục.
- [20] Nguyễn Khắc Phi, Lưu Đức Trung, Trần Lê Bảo, *Lịch sử văn học Trung Quốc* (2002), Nxb ĐHSB Hà Nội.
- [21] Nguyễn Khắc Phi-Trần Đình Sử, *Về thi pháp thơ Đường* (1997), Nxb Đà Nẵng.
- [22] Ngô Văn Phú, *Thơ Đường ở Việt Nam* (2001), Nxb Hội Nhà văn.
- [23] Trương Quốc Phong, *Tiểu thuyết sử thoại các thời đại Trung Quốc* (1998), Nxb Văn nghệ Tp HCM.
- [24] Trần Trọng San, *Văn học Trung Quốc* (tập 3) (1969), Nxb Bắc Đẩu, Sài Gòn.
- [25] Kim Thánh Thán, *Luận bàn Thủy hử* (1998), Nxb Văn học, Hà Nội.

- [26] Lã Thâm Thìn, *Bình giảng thơ nôm Đường Luật* (2002), Nxb Giáo dục.
- [27] Lỗ Tấn, *Truyện ngắn Lỗ Tấn*, (2000), Nxb Văn học.
- [28] Lỗ Tấn, *Sơ lược lịch sử tiểu thuyết Trung quốc* (Lương Duy Tâm dịch) (1996), Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [29] La Quán Trung, *Tam quốc diễn nghĩa* (3 tập) (2004), Nxb Văn học, Hà Nội.
- [30] Lương Duy Thứ, *Thi pháp thơ Đường* (2004), Nxb Đại học Sư phạm.
- [31] Lương Duy Thứ, *Thi pháp truyện ngắn Lỗ Tấn* (1990), ĐHSPT Huế.
- [32] Lương Duy Thứ, *Để hiểu 8 bộ tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc* (1992), Nxb Mũi Cà Mau.
- [33] Lương Duy Thứ, (biên soạn), *Lỗ Tấn- Tác phẩm và tư liệu* (1998), Nxb Giáo dục.
- [34] Tư Mã Thiên, *Sử ký tinh hoa* (2005), Nxb Phương Đông.
- [35] Lão Xá, *Truyện ngắn Lão Xá* (2011), Nxb Văn học.
- [36] Lisevich, *Tư tưởng văn học cổ Trung Quốc* (Trần Đình Sử dịch) (1993), Nxb ĐHSPT Tp HCM.
- [37] Yu Dan, *Khổng Tử tinh hoa* ( Những điều kỳ diệu từ tư tưởng và triết lý sống của Khổng Tử) (2009), Nxb Trẻ.
- [38] Yu Dan, *Trang Tử tâm đắc*, (2012), Nxb Trẻ.
- [39] *Kinh thi* (2012), Nxb Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh.
- [40] 郭志刚, 孙中田主编, *中国现在文学* (两册) (2007 年), 高等教育出版社。
- [41] 饶芃子主编, *中国文学在东南亚* (1999 年), 暨南大学出版社。
- [42] 黎文亩, *杜甫诗歌在越南的接受与传播* (博士学位论文) (2014 年), 华南师范大学。
- [43] *唐诗鉴常辞典*, 上海辞典出版社, 2004 年。

**1.1. Khái quát văn học tiên Tần****1.1.1. Bối cảnh xã hội thời tiên Tần**

Nói văn học tiên Tần (先秦文学) tức là nói văn học Trung Quốc từ thời thượng cổ đến những năm đầu đời Tần ở thế kỷ III tr.CN, trải qua ba chế độ xã hội. Chế độ công xã nguyên thủy, chế độ nô lệ và chế độ phong kiến phân quyền địa phương.

Xã hội thị tộc ở Trung Quốc được hình thành từ thời Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ trong truyền thuyết. Với vua Vũ đời Hạ (TK XXI- XVII tr.CN), Trung Quốc bước sang xã hội nô lệ, bỏ chế độ bầu cử của xã hội thị tộc mà đặt ra chế độ cha truyền con nối. Thời kỳ sau nhà Thương (TK XVII- XI tr.CN) chế độ nô lệ phát triển càng mạnh. Những năm cuối đời Thương, bọn quý tộc vô cùng đồi bại, tàn ác khiến nô lệ vùng dậy. Khi bộ tộc Chu đẩy binh thì nô lệ trở giáo giúp Chu. Chu diệt Thương lập vương triều mới. Nhà Chu (TK XI- 256 tr.CN) chia ra hai thời kỳ, Tây Chu (TK XI- 778 tr.CN) và Đông Chu (770- 256 tr.CN). Đông Chu và thời gian từ khi Chu mất đến khi Tần thống nhất Trung Quốc lại chia làm 2 giai đoạn: Xuân thu (770-455 tr.CN) và Chiến Quốc (475-221 tr.CN). Thời Xuân thu nền kinh tế phong kiến nảy mầm, chế độ nô lệ dần dần suy yếu và diệt vong, vì thế người ta ghép Xuân thu vào thời nô lệ và Chiến quốc vào thời phong kiến.

Thời kỳ đầu Chu, các nước chư hầu sống hòa bình với nhau, cứu giúp nhau khi có giặc ngoại xâm. Nhưng về sau thì họ thôn tính lẫn nhau. Đầu Chu có khoảng 1000 nước, đến Xuân thu còn lại hơn 100 nước. Có 14 nước tương đối lớn, trong đó Tần, Tấn, Tề, Sở tranh nhau làm bá chủ. Thế lực vua Chu ngày càng suy, nhà vua mất uy tín đối với các chư hầu. Các nước lớn nắm bá quyền cũng bắt các nước nhỏ cống hiến lễ vật. Đó là thời kỳ “Ngũ bá tranh hùng” (Tề, Tần, Sở, Ngô, Việt). Sang Chiến quốc, chỉ còn 7 nước tạo thành cục diện “Thất hùng tương địch” (Tề, Tần, Sở, Hàn, Triệu, Ngụy, Yên).

Trong thất hùng thì Tần lạc hậu về mọi mặt nhưng từ TK IV tr.CN, vua Tần cho Thương Ưởng thi hành nhiều cải cách xã hội. Tần giàu mạnh thì các nước kia bị uy hiếp. Các thuyết khách thừa cơ hoạt động, hoặc thuyết phục sáu nước kia liên minh chống Tần, đó là thuyết “hợp tung”, hoặc thuyết phục Tần chia rẽ các nước kia cho yếu đi, đó là thuyết “liên hoành”. Nhưng đầu TK III tr.CN, Tần đánh bại hai nước Hàn, Ngụy, tiếp đó phá liên minh Tề- Sở, đưa quân đánh Sính Đô của Sở. Sau đó, Tần trở thành vô địch, kết thúc cục diện tương tranh giữa thất hùng, thống nhất Trung Quốc (221 tr.CN).

Văn học tiên Tần chủ yếu tập trung vào thời kỳ Chiến quốc.

### 1.1.2. Thành tựu văn học thời tiên Tần

Văn học tiên Tần đạt nhiều thành tựu rực rỡ như: chữ viết, văn học truyền miệng, hai thành tựu thơ giá trị như: *Kinh thi* và *Sở từ*, văn xuôi trong sách *Thượng thư*, tản văn Xuân thu – Chiến quốc.

- Chữ viết Trung Quốc xuất hiện khá sớm (khoảng TK XIV tr.CN, đời Thương). Dùng văn tự để viết sách là bắt đầu từ thời Thương. Văn xuôi cổ nhất được tìm thấy là sách *Thượng thư*, tức *Kinh thư*.

- Văn học truyền miệng thời nguyên thủy phong phú: thơ ca, thần thoại và truyền thuyết. Thơ ca thời nguyên thủy phong phú nhưng đến nay chỉ còn giữ lại được một số câu trong các sách cổ như sách *Lã Thị Xuân Thu*, sách *Đại học*. Thí dụ, thiên cổ nhạc trong sách *Lã Thị Xuân Thu* có đoạn nói: “Ngày xưa nhạc của họ Cát Thiên (tên gọi một ông vua trong truyền thuyết) là ba người nắm đuôi trâu dẫm chân mà hát tám khúc... Khúc thứ nhất là Tải dân (ca ngợi nguồn gốc của tổ tiên), hai là khúc Huyền diệu (có lẽ là dựa vào một truyền thuyết về một con chim thần kỳ nào đó), ba là Toại thảo mộc (đốn cây), bốn là Phấn ngũ cốc (trồng ngũ cốc), năm là Kinh thiên thường (theo đạo trời), sáu là Kiến đế công (lập công cho nhà vua), bảy là Y địa đức (theo đức của đất), tám là Tổng cầm thú chi cực (dồn muôn thú)”. Bài thơ “Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân” [ 苟日新, 日日新, 又日新 ] ghi trong sách *Đại học* vốn là bài minh khắc ở chậu tám vua Thang (Mỗi ngày mới, ngày ngày mới, ngày lại càng thêm mới)...

Thần thoại, truyền thuyết cũng rất phong phú: *Bà Nữ oa*, *Hậu Nghệ bắn mặt trời*, *Tinh vệ lấp biển*, *Ngưu Lang Chức Nữ*, *Vua Vũ trị thủy*, *vua Thuấn*... Thần thoại, truyền thuyết giải thích các hiện tượng thiên nhiên, ca ngợi những nhân vật lịch sử anh hùng, khát vọng một cuộc sống no ấm, tình yêu thương của đồng loại...

- *Kinh thi*. *Kinh thi* tập hợp các bài thơ thời Tây Chu, Đông Chu. Phần lớn là dân ca miền Bắc Trung Quốc do nhạc sư các nước sưu tầm dâng lên thiện tử nhà Chu. *Kinh thi* vốn có 3000 bài thơ hay nhất Trung Quốc (TK XII- VI tr.CN). Dân ca là phần quan trọng nhất, 160 bài, tập hợp thơ ca của giới quý tộc.

- *Sở từ*. Từ khi *Kinh thi* xuất hiện cho đến khi có *Sở từ*, khoảng 400 năm, tức đầu Xuân thu đến cuối Chiến quốc. Người ta gọi *Sở từ* là muống phiếm chỉ thơ ca của nước Sở ở lưu vực sông Trường Giang, miền Nam Trung Quốc. *Sở từ* thiên về tính chất lãng mạn, phóng khoáng, hình thức tương đối tự do, câu dài ngắn không đều nhau. Nói đến *Sở từ* là nói tới 2 nhà thơ tiêu biểu: Tống Ngọc với 16 bài phú, Khuất Nguyên với tập *Ly Tao*.

- Văn xuôi, tản văn.

Văn xuôi cổ nhất được tìm thấy trong sách *Thượng thư*. Tuy nhiên những bài ghi chép trong sách *Thượng thư* chỉ là văn chương hành chính, phải đến tản văn Xuân thu Chiến quốc mới có tính chất văn học. Văn đàn lúc này như vườn xuân “trăm hoa đua nở”. Về văn xuôi lịch sử có những tác phẩm như tác phẩm *Xuân thu* (Khổng Tử), *Tả truyện* (Tả Khâu Minh), *Cốc Dương truyện* (Công Dương Cao), *Cốc Lương truyện* (Cốc Lương Xích), sách *Quốc ngữ*, *Chiến quốc sách* (không biết của ai, ghi chép lịch sử các nước). Về văn xuôi chư tử (văn xuôi triết lý) có những tác phẩm như: *Luận ngữ*, sách *Mạnh Tử*, sách *Tuân Tử* của phái Nho gia; sách *Mặc Tử* của phái Mặc gia; sách *Đạo đức kinh* của Lão Tử, sách *Trang Tử* của Trang Chu thuộc phái Đạo gia; sách *Hàn Phi Tử* của Hàn Phi thuộc phái Pháp gia.

## 1.2. Kinh thi 《诗经》

### 1.2.1. Khái quát về Kinh thi

#### 1.2.1.1. Khái niệm Kinh thi

*Kinh thi* là tập thơ cổ của nhân dân phương Bắc, tiêu biểu cho văn hóa phương Bắc (cùng với triết học Khổng Mạnh). So sánh với *Kinh thi*, thì *Sở từ* của Khuất Nguyên tiêu biểu cho văn hóa phương Nam (cùng với triết học Lão Trang).

*Kinh thi* là gì? Chữ **Kinh** có hai nghĩa: kinh điển, chuẩn mực, *Kinh thi* là chuẩn mực của thơ ca, đạo thường; nghĩa là trường tồn bất biến, là đạo muôn đời.

Trước đời Hán, nó được gọi là *Thi* hay *Thi tam bách*. Từ đời Hán trở về sau các sách vở Nho gia dung để dạy học trò đều được suy tôn là Kinh (Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân thu) nên mới gọi là *Kinh thi*.

#### 1.2.1.2. Thời đại

*Kinh thi* ra đời cách đây 2500 năm, vào khoảng thế kỷ VI tr.CN. Nó là sáng tác của nhiều người (đa số là nhân dân lao động, số ít quý tộc và sĩ đại phu) trong khoảng thời gian 500 năm, từ đầu Tây Chu (TK XI tr.CN) đến giữa Xuân Thu (TK VI tr.CN).

Chế độ xã hội trong thời kỳ hình thành *Kinh thi* là cuối chế độ nô lệ đầu phong kiến. Theo ý kiến chung, Xuân Thu (770- 475 tr.CN) là giai đoạn quá độ từ chế độ nô lệ chuyển sang chế độ phong kiến. Còn Chiến quốc (475- 221 tr.CN) là giai đoạn chế độ phong kiến đã được xác lập ở Trung Quốc. Trong các giai đoạn Xuân Thu- Chiến quốc, chiến tranh giữa các chư hầu xảy ra liên miên, thiên tử nhà Chu chỉ còn là hư vị...

Cần có ý thức khi phân tích những vấn đề như ép bức bóc lột, vấn đề lễ giáo phong kiến... trong *Kinh thi*. Vì đây là thời kỳ cuối nô lệ đầu phong kiến nên chủ yếu là áp bức bóc lột kiểu nô lệ, lễ giáo phong kiến chưa sâu như sau này.

### 1.2.1.3. Biên soạn, phân loại

- Biên soạn có 3 thuyết:

+ Khổng Tử biên soạn. Sách *Sử ký* viết: Từ 3000 bài *Kinh thi*, Khổng Tử soạn lại thành 300 bài để dạy học trò. Không đúng, vì trước đây Khổng Tử đã có quyển *Kinh thi* 305 bài.

+ Các quan “thái thi” (hái thơ) đời Chu làm để dâng vua. Có một phần nhưng không phải tất cả.

+ Công lao chính của các nhạc quan thu thập âm nhạc vì nghề nghiệp.

Biên soạn là công lao của nhiều thế hệ. Khổng Tử chỉ có thể là một trong số rất nhiều người đã tham gia vào quá trình tuyển chọn, chỉnh lý tập thơ.

- Về phân loại: *Kinh thi* gồm có ba bộ phận như Phong 風, Nhã 雅, Tụng 頌. Sự phân loại này dựa trên tiêu chí là nhạc điệu.

+ Phong hay quốc phong, là âm nhạc địa phương của các nước. Tất cả có 160 bài thuộc 15 quốc phong (thập ngũ quốc phong).

+ Tụng là loại nhạc kết hợp với vũ, tán tụng ca ngợi- nhạc dùng trong tế lễ, gồm 31 thiên Chu tụng, 4 thiên Lỗ tụng và 5 thiên Thương tụng.

+ Nhã là âm nhạc của các vùng đất trực thuộc triều Chu. Nhã là để phân biệt với tục. Nếu “phong” cơ bản là dân ca thì “nhã” mang hàm nghĩa nhạc chính thống của cung đình: “nhã nhạc”. Nhã lại gồm có đại nhã và tiểu nhã. Có 31 thiên đại nhã, chủ yếu mang nội dung ca tụng công đức, dùng các lễ hội, yến tiệc cung đình. Có 74 thiên tiểu nhã, phần lớn là sáng tác của quý tộc và kẻ “sĩ” (các phần tử trí thức).

Cách chia đó không hoàn toàn chính xác. Người ta thường theo cách chia mới: Thơ ca quý tộc và thơ ca dân gian.

### 1.2.2. Nội dung tư tưởng Kinh thi

- *Cuộc sống bị áp bức bóc lột và tinh thần phản kháng của nhân dân lao động*

+ *Kinh thi* là một bức tranh còn nguyên vẹn về cuộc sống của nhân dân lao động dưới chế độ nô lệ. Tiêu biểu cho nội dung này là *Thất nguyệt*.

+ Nỗi cay đắng vì phu phen tạp dịch. Tiêu biểu cho nội dung này là các bài *Bão vũ* (chim bão), *Quân tử vu dịch* (chàng đi lao dịch)...

+ Lòng oán hờn phần nô và tinh thần phản kháng. Những bài thơ tiêu biểu cho nội dung này là *Phạt đàn*, *Thạc thử*...

- *Phản đối chiến tranh bành trướng thế lực, thôn tính đất đai của giai cấp thống trị.*



Bên cạnh những bài phê phán sự áp bức bóc lột là những bài thơ nói lên nỗi khổ của nhân dân trong chiến tranh. Xuân thu là thời kỳ chiến tranh thôn tính lẫn nhau giữa các chư hầu diễn ra liên miên và *Kinh thi* là ngọn nguồn thơ ca phản chiến ở Trung Quốc. Có thể thấy tâm trạng đau buồn của người lính giải ngũ trên đường về quê trong *Đông Sơn* (Núi Đông); cũng có thể thấy nguyện vọng hòa bình, lòng thủy chung cả người chinh phụ qua nhiều bài thơ hay như *Bá hề* (Hỡi chàng), *Quân tử vu dịch*, *Bảo vũ*. Có thể thấy thái độ chán chường cao độ của người lính bại trận trong bài *Kích cổ* (Đánh trống).

- *Kinh thi* phản ánh quan niệm về tình yêu và hôn nhân của người lao động.

Có thể thấy nhiều trạng thái của tình yêu và hôn nhân, những biểu hiện lành mạnh trong sáng trong quan hệ tình cảm giữa những người lao động qua hàng loạt bài thơ hay như *Quan thư*, *Tình nữ*, *Nữ viết kê minh* (vợ bảo gà gáy rồi), *Phiến hữu mai* (quả mơ rụng)... Tuy nhiên cũng có nhiều bài dựng lên một cách sinh động hình ảnh của người phụ nữ gặp nhiều đau khổ trong tình yêu và hôn nhân *Phiến hữu mai* (Quả mơ rụng), *Xin anh Hai*...

### 1.2.3. Nghệ thuật *Kinh thi*

- Điểm nổi bật trong *Kinh thi* là tính chân thực.

- Thi pháp nghệ thuật nổi bật của *Kinh thi* là: Phú 賦, tỉ 比, hứng 興. (Đọc thêm *Văn học sử Trung Quốc*, T1. Nxb Phụ Nữ, tr.149).

+ Phú là phô bày, nói thẳng sự việc ra, nghĩ thế nào nói thế đó. *Thất nguyệt*, *Phạt đàn* cơ bản là dùng thể phú.

+ Tỉ là ví, so sánh, mượn cái này nói cái kia. *Thạc thử*- mượn con chuột nói kẻ bóc lột; *Quả mơ rụng*- dung hình ảnh mơ rụng để hình dung sự trôi nhanh của thời gian và khát vọng hôn nhân ngày càng mãnh liệt.

+ Hứng là kêu gọi, mượn sự vật bên ngoài để kêu gọi tình cảm bên trong. *Quan thư*- từ tiếng chim gù đến lúa đôi, là tỉ mà cũng là hứng, tỉ trực tiếp, hứng gián tiếp.

- Về kết cấu, *Kinh thi* thường sử dụng hình thức nổi bật là lối trùng chương, điệp cú. Tiêu biểu như *Phạt đàn*, *Thạc thử*. (Xem thêm *Văn học sử Trung Quốc*, T1. Nxb Phụ Nữ, tr.147).

### 1.2.4. Đặc điểm và ảnh hưởng của *Kinh thi*

Đặc điểm và ảnh hưởng của *Kinh thi* chủ yếu biểu hiện ở các mặt sau:

- Thứ nhất, *Kinh thi* lấy thi ca trữ tình làm chủ lưu. Hơn nữa xét từ trình độ trưởng thành của thi ca, mức độ trưởng thành của thơ trữ tình cũng rõ ràng cao hơn kể chuyện (tự sự). Sử thi Homer của Hy Lạp đại để cùng thời đại với *Kinh thi*, thì hoàn toàn là thơ

kể chuyện. Thế nên, nếu như Home đã đặt nền tảng kể chuyện là hướng phát triển chủ yếu cho VHPT thì *Kinh thi* đã đặt truyền thống trữ tình làm phương hướng phát triển chủ yếu cho sự phát triển của Văn học Trung Quốc.

- Thứ hai, thi ca trong *Kinh thi* phần lớn đều phản ánh thế giới hiện thực của nhân gian, cũng như sinh hoạt và kinh nghiệm hằng ngày của con người. Thi ca sau này của Trung Quốc và kể cả những dạng thức văn học khác, nội dung của nó đều mang đặc trưng cơ bản trong sinh hoạt hằng ngày và sinh hoạt hiện thực.

- Thứ ba, xét về mặt tổng thể, *Kinh thi* có màu sắc chính trị và đạo đức rất rõ rệt. Việc các thi nhân hậu thế đã kế thừa đặc điểm chính trị, đạo đức trên cũng nên phân tích theo hai mặt. Một mặt, uôm nén văn học đừng quá nghiêng về “du hí” và “duy mỹ”. Mặt khác nếu quá cường điệu đặc điểm này sẽ làm phương hại đến sự phát triển đa dạng của văn học, đè nén sự thoải tự do về mặt tình cảm.

- *Kinh thi* ảnh hưởng rất lớn đến Khuất Nguyên, các nhà thơ Đường và nói chung đối với thơ ca Trung Quốc. Về sau, mỗi khi thơ ca rơi vào hình thức chủ nghĩa, người ta lại đề cao việc học tập Quốc phong, tức là học tập cái chân thực, cái hồn hậu của *Kinh thi*.

- Các nhà thơ Việt Nam vận dụng điển cố *Kinh thi* một phần do sách giáo khoa phong kiến quy định (lục kinh), nhưng một phần do nó chân thực sinh động, xứng đáng được coi là những điển cố văn học như *Chinh phụ ngâm*, *Truyện Kiều*.

### **1.3. Khuất Nguyên và *Ly tao* (屈原与离骚)**

#### **1.3.1. Khái quát**

##### **1.3.1.1. Thời đại- thân thế và lý tưởng thẩm mỹ tiến bộ**

- Khuất Nguyên (khoảng 340- 277 tr.CN), tên Bình, tự Nguyên, là quý tộc cùng một họ với vua Sở, sống vào nửa sau thời Chiến quốc. Quê hương ông là nước Sở, là một trong bảy nước mạnh nhất thời Chiến quốc (thất hùng: Tần, Tề, Sở, Hàn, Ngụy, Triệu, Yên). (Xem thêm *Cuộc đời và tác phẩm của Khuất Nguyên*- Văn học sử Trung Quốc, T1, Nxb Phụ Nữ, tr.201).

- Khuất Nguyên đề ra “biến pháp” trong đối ngoại và đối nội. Về đối ngoại “hợp tung” (liên kết sáu nước) chống đường lối “liên hoành” của Tần. Về đối nội, hạn chế quý tộc, cất dùm người tài, giảm nhẹ hình phạt. Vì chủ trương yêu nước và tiến bộ đó mà cuộc đời ông long đong lận đận. Khi vua thực hiện “biến pháp”, ông được trọng dụng, làm đến Tả đô (Phó thủ tướng). Khi vua nghe lời xúc xiển, theo “liên hoành”, ông bị thất sủng, bị lưu đày ở Hán Bắc (thời Sở Hoài Vương thứ 25). Lần thứ 2 (thời

Khoảnh Tương Vương), sau 14 năm lưu đày, khi Tần diệt Sở, ông đau khổ tuyệt vọng, nhảy xuống sông Mịch La để tự tận (5.5.278 tr.CN).

### 1.3.1.2. Sự nghiệp sáng tác của Khuất Nguyên

- Tác phẩm của Khuất Nguyên gồm từ, phú, thơ, gọi chung là *Sở từ* 《楚辞》 (thơ từ theo điệu Sở). Ngoài *Ly tao* còn có *Cửu chương*, 《九章》 gồm 9 bài: *Tích tụng* (Tiệc làm thơ), *Thiếp giang* (Qua sông), *Ai Sinh* (Thương nhớ kinh đô Sinh), *Trừu tư* (bày tỏ tâm sự), *Hoài Sa* (nhớ Trường Sa), *Tư mỹ nhân* (nhớ người đẹp), *Tích vãng nhật* (nhớ xưa), *Quất tụng* (ca ngợi cây quất), *Bi hồi phong* (buồn gió xoáy).

- *Cửu ca* 《九歌》 gồm 11 bài dân ca được Khuất Nguyên cải biên, nói về tế thần mặt trời, thần núi, thần mây, thần coi việc nối dõi, thần sông Hoàng Hà, thần Trường Giang... Đặc biệt có bài *Quốc thương* (Hồn liệt sĩ) mang âm hưởng tế các chiến sĩ trận vong.

- *Thiên vấn* 《天问》 (hỏi trời) là một bài thơ lạ, đề xuất hơn 130 câu hỏi về truyền thuyết, lịch sử. Bài thơ thể hiện tư tưởng khai sáng của nhà thơ, cũng là dấu ấn của thời đại “trăm nhà đua tiếng”.

- Nội dung thơ Khuất Nguyên tập trung thể hiện tấn bi kịch của ông của thời đại. Bi kịch của một nhà chính trị sáng suốt muốn cho nước Sở hùng mạnh, xã hội tốt đẹp. Bi kịch của một con người trong sạch, đạo cao đức trọng phải sống giữa những kẻ tầm thường. Bi kịch của ông còn là bi kịch của một nhân cách “phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất” ( “富贵不能淫，贫贱不能移，威武不能屈 - giàu sang không thể quyến rũ, nghèo hèn không thể lung lay, uy vũ không thể khuất phục) bị bọn tiểu nhân nắm vận mệnh quốc gia hãm hại.

### 1.3.2. Giá trị nội dung và nghệ thuật của Ly tao

#### 1.3.2.1. Giá trị nội dung Ly tao

- Nhan đề *Ly tao*

*Ly tao* là tác phẩm tiêu biểu của Khuất Nguyên là bài thơ trữ tình đầu tiên, bài thơ dài đầu tiên trong lịch sử văn hóa Trung Quốc (373 câu, 2490 chữ). Người xưa coi viên ngọc quý và lạ “Tiền thế vị văn, hậu thế mạc kế” (đời trước chưa nghe thấy đời sau không ai theo kịp).

Theo Tư Mã Thiên (Sử ký) “Ly tao giả, ly ưu dã” (离骚者,离忧也- Ly tao là lo buồn trong chia ly). Theo Ban Cố “Ly là gặp phải, tao là lo âu; bản thân nhà thơ gặp những điều lo âu mà viết nên bài từ”. Vương Dật thì nói: Li tức là li biệt, tao tức buồn, cho nên Li tao là nỗi buồn li biệt. Vậy Ly tao là nỗi đau buồn chia ly, ở đây là chia ly với Sở Vương, Sinh đô và nước Sở.

Dù cho niên đại viết ra, cũng như ý nghĩa của đầu đề bài *Li tao* có những cách cắt nghĩa khác nhau nhưng ta có thể khái quát một cách xác đáng: *Li tao* đó là tự truyện của một tâm hồn đau khổ như Khuất Nguyên, sau khi gặp phải trắc trở về mặt chính trị, đứng trước vận mệnh nguy nan của cá nhân và quốc gia, nên có sự suy nghĩ về quá khứ cũng như về tương lai, và chủ yếu là thông qua phương thức ảo tưởng (Văn học sử Trung Quốc, T1. Nxb Phụ Nữ, tr.205).

- Bô cục *Ly tao*

Có nhiều cách chia khác nhau. Tuy nhiên, cách chia của các học giả đời Thanh là dễ chấp nhận nhất, chia *Li tao* làm 2 phần (trừ lời văn: 4 câu cuối bài). Phần trên là thực (có hư), phần dưới là hư (có thực). Phần trên tác giả trình bày ý tưởng muốn đưa nước Sở vượt Thuấn Nghiêu nhưng Sở vương không nghe; phần dưới trình bày với linh hồn vua Nghiêu Thuấn. Nếu phần trên tác giả ra sức chăm bón “chín vườn lan lại nghìn sào huệ” nhằm xây dựng một đội ngũ nhân tài cho đất nước, nhưng rốt cuộc đều bị phản bội (lan ta tưởng là nơi tin cậy, có ngờ đâu bong bẩy mà hư...) thì ở phần sau ông lên cõi hư ảo tìm người đẹp mà không gặp (kể vì không mới lái, kẻ gặp nhưng “mất nét”).

- Cảm hứng chủ đạo *Ly tao*

*Ly tao* là bài thơ trữ tình, tác giả bộc bạch tâm sự. Ở đây tác giả nói đến lịch sử, đến hoa thơm cỏ lạ, đến thế giới thần tiên... nhưng đó chỉ là mượn ngoài để nói trong, mượn người để nói mình. Mọi hình tượng trong *Ly tao* đều muốn nói chung một màu sắc, đều bị chi phối bởi cảm hứng chủ đạo đó là: *Nỗi niềm cay đắng trong tình trạng thần tượng bị đổ vỡ, khát vọng bị vùi dập, nhân cách bị bôi nhọ song song với ý chí kiên trinh bất khuất quyết không bỏ chính theo tà, thà chết để bảo toàn khí tiết.*

- Diễn biến tâm trạng

+ Nỗi niềm cay đắng của nhà thơ được diễn tả dưới dạng tâm trạng của một “người đẹp” đi tìm “bạn lòng”. Người đẹp tự hào về gia thế, phẩm cách vì sợ “muộn màng lỡ duyên”. Đây không phải là cái duyên thông thường mà là khát vọng vươn tới cái chân- thiện- mỹ. Khát vọng đó bị thói đời xuyên tạc, bôi nhọ.

Từ câu thứ nhất “Đế Cao Dương chi miêu duệ hê, Trẫm Hoàng khảo viết bá dung”- 帝高阳之苗裔兮，朕皇考曰伯庸。(Tôi nguyên là con cháu của nhà vua thời cổ là Cao Dương) thi nhân đã sử dụng rất nhiều ngôn từ, từ nhiều góc độ, kể lại nhân cách tốt đẹp của bản thân. Ông nói tự hào rằng, mình là một bề tôi cùng họ với Sở Vương, vừa nêu lên thân thế cao quý của mình, vừa thể hiện trách nhiệm của mình đối với sự hưng vong của nước Sở là một trách nhiệm không thể chối bỏ được. Ông kể lại mình

đã hạ sinh vào một thời điểm rất tốt (ngày Dần, tháng Dần, năm Dần), được đặt cho cái tên rất đẹp qua sự bói toán. Ông lại nhân mạng mình là người có thiên phú khác thường. Trên cơ sở đó, thi nhân kể lại việc mình đã kịp thời lo tu thân, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức tốt đẹp, rèn luyện một tài năng xuất chúng, tha thiết muốn hiến thân cho nước cho vua, để giúp cho nước Sở được hưng thịnh, giúp cho Sở Vương trở thành một nhà vua như Nghiêu Thuấn (*Văn học sử Trung Quốc*, T1. Nxb Phụ Nữ, tr.206).

+ Từ tâm trạng tự hào về gia thế, phẩm cách, Người đẹp chuyển sang tâm trạng đau đớn vì sinh ra lỗi thời, do không gặp “minh chúa”, vì gặp thói đời a dua xu nịnh. Sở Vương là tên hôn quân, vô đạo “Tình ta mình chẳng xét cùng, nghe lời ton hót đem lòng giận ta”. Bọn “đảng nhân”: “*Chúng chen chúc trên đường vụ lợi, Tấm lòng tham, tham mãi, tham hoài, Dem dạ mình đọ bụng người...*”.

Bọn “đảng nhân” tức là bọn tiểu nhân, kết bè kết cánh để mưu lợi riêng, bọn này đối địch với thi nhân “Duy phù đảng nhân chi thâm lạc hệ, lộ u muội dĩ hiềm ải”. Hơn nữa, bọn chúng chẳng những “Cánh tiến dĩ tham lam, bằng bất yém hồ cầu sách” (càng lúc càng tham lam, vợ vét không biết chán), mà còn “Nội thứ dĩ kỷ lượng nhân, các hung tâm nhi tập đó” (suy bụng ta ra bụng người, ganh ghét lẫn nhau). Cho rằng thi nhân được trọng dụng là một trở ngại đối với chúng. Do vậy, chúng đã đứng lên “*vị dư dĩ thiên dâm*” (为余以天淫), vu cáo thi nhân là một kẻ tiểu nhân dâm tà (*Văn học sử Trung Quốc*, T1. Nxb Phụ Nữ, tr.206).

Sở Vương là người có quyền lực tối cao có thể quyết định sự thành bại giữa đôi bên, quyết định vận mệnh nước Sở. Ông ta hồ đồ, u mê. Thi nhân đối với nhà vua có một tấm lòng trung thành tuyệt đối: “*Chỉ cửu thiên dĩ vi chính hệ, phù duy linh tu chi cố dã*” (指九天以为正兮, 夫唯灵修之故也- có trời cao làm chứng, những lời nói trung thành của tôi đều vì nhà vua cả). Nhà vua có một đạo cũng trọng dụng và tín nhiệm thi nhân, nhưng cuối cùng bị bọn “đảng nhân” bung bít dôi gạt: “*Thuyên bất sát dư chi trung tình hệ, phản tín sàm dĩ tế nộ*” (荃不察余之中情兮, 反信谗以齟怒- vua không nhận thấy lòng trung thành của tôi, trái lại nghe theo lời dèm pha mà giận giữ đối với tôi). Chính vì vậy mà dẫn đến sự thất bại của thi nhân, sự suy sụp của nước Sở (*Văn học sử Trung Quốc*, T1. Nxb Phụ Nữ, tr.207).

+ Từ không chịu đựng nổi một nhân cách cao cả trước thực tế tối tăm, bản thiếu, ông nghĩ đến phương châm “độc thiện kỳ thân” (独善其身- chỉ lo giữ mình đức tốt, mặc kệ kẻ khác tốt xấu) của nhà Nho.

+ Có lúc nhà thơ nghĩ đến lời khuyên “mặc đời”. “*Đời đều bè đảng gian tà, Một mình ta nói, nói mà ai hay*”. Nghĩ tới lời khuyên đi tìm đất hứa (Đường xa xin chớ ngại

ngùng, Người xinh ai chẳng đem long khát khao). Nghĩ đến lời khuyên nấu mình chờ thời theo gương Phó Duyệt, Lã Vọng ngày xưa. Cuối cùng ông nghe theo quẻ bói linh phân: tiêu dao cho khuây khỏa (Linh phân dạy quẻ coi tốt lắm, Chọn ngày lành ta sắm sửa đi).\

+ Tổ quốc quê hương níu chân ông lại. Ông chỉ chọn con đường “theo chân Bành Hàm” để giữ trọn khí tiết. Bành Hàm là một hiền sĩ đời Ân, can vua mà vua không nghe mới ôm đá mà tự trầm. Vậy là ông đã quyết định tự tử sau khi viết xong thiên *Ly Tao*.

- Giá trị tư tưởng và nghệ thuật của *Ly tao*

+ *Ly tao* là sự thể hiện đầy đủ xúc động bi kịch Khuất Nguyên. Đó là bi kịch của một nhà chính trị sáng suốt nhưng không gặp thời. Là bi kịch của một nhân cách cao cả bị đày đọa giữa chốn bùn nhơ. Cũng là bi kịch của phẩm giá dưới chế độ chính trị đen tối, bi kịch của thời đại thất hưng.

+ Tác phẩm nghệ thuật đạt đến độ **chân thiện mỹ**. “Sức tưởng của ông cũng rất đòi dào: ông nhân cách hóa cây cỏ, vạn vật, ví những cỏ lau, cỏ chỉ với hạng người quân tử, dùng chim trĩ, chim tu hú làm mối mai, lại muốn sai khiến cả thần gió, thần trăng, thần sấm, thần sét. Ngọn bút thực phóng lãng, lợi dụng tất cả các thần thoại của Trung Quốc (nên có nhà đã ví *Ly Tao* của ông với Divine Comédie của Dante); để diễn tả tất cả nỗi u uất trong hàng chục năm của ông, lưu lại cho muôn thuở một lời nức nở ghen ngào, bất tuyệt.” (Nguyễn Hiến Lê, *Cổ Văn Trung Quốc*, Xuân Thu xuất bản, tr.105-106).

- Ảnh hưởng của Khuất Nguyên (Xem *Giáo trình Văn học Trung Quốc*, Lương Duy Thứ, Huế.1994, tr.31)

+ Khuất Nguyên được các thời đại thừa nhận là bậc thầy của thơ ca.

+ Nhân cách và tài năng Khuất Nguyên có ảnh hưởng sâu sắc đến các nhà thơ cổ điển Việt Nam, tiêu biểu là Nguyễn Du.

## **1.4. Tản văn tiên Tần**

### **1.4.1. Tản văn lịch sử, tản văn chur tử**

#### **1.4.1.1. Tản văn lịch sử (văn xuôi lịch sử)**

- Thời Xuân thu, Chiến quốc, các nước thôn tính lẫn nhau tàn khốc. Bọn quý tộc cũ suy tàn, một lớp người mới ngóc đầu dậy. Sự thịnh suy đó diễn ra một cách kịch liệt. Thần giết vua, con giết cha là chuyện thường thấy. Có người ghi chép những sự việc đó để bày tỏ quan điểm của mình. Xét về văn học có bốn tác phẩm được nhắc đến: Xuân thu, tả truyện, Quốc ngữ, Chiến quốc sách.

- *Xuân thu* là một cuốn sử biên niên đầu tiên của Trung Quốc, lấy các sự kiện của nước Lỗ làm trọng tâm (722- 481 tr.CN), đồng thời đề cập đến việc nhà Chu và các nước chư hầu trong vòng 242 năm. *Xuân thu* là sách của các sử quan nước Lỗ ghi chép. Khổng Tử có sửa chữa ít nhiều, đem ra dạy học học trò coi là một tác phẩm kinh điển của Nho gia. Văn chương *Xuân thu* thường rất vắn tắt. Khổng Tử dùng bộ sách này để truyền cái “đại nghĩa” của ông về lý luận chính trị chứ không chú trọng đến sự kiện lịch sử. Hành văn sách *xuân thu* rất đặc biệt (dùng từ định rõ kẻ ngay người gian, bỏ quên việc, quên tên tỏ ý chê bai, gọi tên tục những người có lỗi...

- *Tả truyện* là tác phẩm lịch sử do người họ Tả biên soạn, chép về thời *Xuân thu*, có phụ lục một số chuyện sau *Xuân thu* một thời gian, cho nên còn có tên là “*Tả thị Xuân Thu*” (sách *Xuân thu* của họ Tả). So với *Xuân thu*, *Tả truyện* miêu tả các chi tiết cận kề, công phu. Về mặt tư tưởng, tác giả *Tả truyện* đứng trên tư tưởng Nho gia đề cao đạo đức, luân lý phong kiến, đồng cảm nỗi khổ của nhân dân và thảm họa chiến tranh.

- *Chiến quốc sách* ra đời sau *Tả truyện*, do các sử gia, chính khách thời Chiến quốc soạn. Lưu Hưởng đời Hán sắp xếp lại được 33 thiên. Bộ sách này chép những sự việc xảy ra từ đầu Chiến quốc cho tới khi 6 nước bị duyệt vong (khoảng 452- 220 Tr.CN). Tề, Tần, Sở, Hàn, Triệu, Ngụy, Yên. Bộ sách tái hiện lịch sử bằng những đoạn biện thuyết hùng hồn, khéo léo vận dụng những mẫu truyền thuyết ngụ ngôn và những tỉ dụ rất hay để thuyết minh cho những lí lẽ trừu tượng.

#### 1.4.1.2. *Tản văn chư tử (tản văn triết lý)*

Xét về mặt văn học, tản văn triết lý có ba tác phẩm có giá trị nổi bật: *Luận ngữ*, *Mạnh Tử* và *Trang Tử*.

- *Luận ngữ* là bộ sách ghi lời nói việc làm của Khổng Tử, của môn đệ ông, biên soạn khoảng đầu Chiến quốc. *Luận ngữ* không phải được truyền tụng, chỉ bởi vì nó là sách kinh điển của Nho gia mà còn vì giá trị văn học. Lời lẽ ngắn gọn, ý nghĩa sâu sắc, giàu hình ảnh, sinh động.

- *Mạnh Tử* là sách kinh điển quan trọng của Nho gia, gồm 7 thiên, do Mạnh Tử và học trò biên soạn. Văn chương trong *Mạnh Tử* giàu tính hùng biện, hình tượng rõ nét.

- *Trang Tử* là bộ sách do Trang Tử và các học trò của ông biên soạn, còn có tên là *Nam hoa kinh*, gồm 30 thiên, tư tưởng xuất thế. Văn chương *Trang Tử* hấp dẫn, hư hư thực thực, vừa có tính trí tuệ, tính trữ tình, giàu sức tưởng tượng, giàu chất thơ.

## **1.4.2. Nội dung và hình thức tản văn tiền Tần**

### **1.4.2.1. Nội dung**

Tính thiết thực và tính phê phán trong tản văn thể hiện rất rõ. Người làm sử hay viết văn, bất cứ đứng trên lập trường giai cấp nào, đều bất mãn với tình trạng xã hội lúc bấy giờ và đồng cảm với nỗi khổ cực của nhân dân. Họ có những chủ trương khác nhau, trái ngược nhau về chính trị, về thái độ trước cuộc sống, về luân lý đạo đức, về bản tính của con người, nhưng ai nấy đều mong mỗi sống bình yên, không phải trông thấy cảnh giết hại lẫn nhau và nhân dân thì được an cư lạc nghiệp, nhẹ bớt gánh phu đài tạp dịch, dù vẫn phải cứ làm nô lệ nuôi bọn thống trị.

### **1.4.2.2. Nghệ thuật**

- Sự xuất hiện trong cùng một giai đoạn những tác phẩm như: *Tả truyện*, *Chiến quốc sách*, *Luận ngữ*, *Mạnh Tử*, *Trạng Tử*... đánh dấu một bước tiến vượt bậc của tản văn Trung Quốc. Mỗi tác giả đều có một phong cách riêng, ngôn ngữ sử dụng đều tinh luyện, khai thác kho tàng phong phú của văn học truyền miệng thần thoại, truyền thuyết, ngụ ngôn, thơ ca để diễn đạt tư tưởng, làm cho tác phẩm dễ đọc, dễ tiếp nhận.

- Trong tản văn Xuân thu- Chiến quốc đã có mầm mống các thể loại văn học về sau sẽ nở hoa kết quả. Thơ, truyện ký, tiểu thuyết, từ phú, văn chính luận, kể cả những đoạn đối thoại dài như trong lịch sử đều có trong tản văn.

- Tản văn có sự thống nhất giữa chính luận và nghệ thuật, giữa văn và sử. Có thể nói tản văn là một thể loại hỗn hợp giữa văn và sử, cho nên tác phẩm nào cũng đều là văn học cả. “văn sử bất phân” là như thế, khác hẳn với đời sau.

## **1.5. Văn học Tần Hán**

### **1.5.1. Khái quát văn học Tần Hán**

#### **1.5.1.1. Bối cảnh xã hội**

Giai đoạn Tần- Hán tồn tại khoảng năm thế kỷ, từ thế kỷ III tr.CN đến thế kỷ III sau CN. Tần tương đối ngắn, chỉ 26 năm. Như vậy, văn học giai đoạn này chủ yếu là Hán.

Tần là triều đại thống nhất Trung Quốc (năm 221 tr.CN), đã dựng lên một vương triều phong kiến chuyên chế trung ương tập quyền to lớn đầu tiên trong lịch sử. Chính sách cai trị của Tần dã man, tàn phá văn hóa: đốt sách, chôn học trò, cho nên Tần gần như không có văn học.

Sự thống nhất của Tần tạo điều kiện cho sự thành lập và củng cố chế độ phong kiến tập quyền của nhà Hán. Hán lại là triều đại bành trướng nhất Trung Quốc. Tần



cũng như Hán đều phát động nhiều cuộc chiến tranh xâm chiếm các nước láng giềng (Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên).

Tần cũng như Hán đều bị các cuộc khởi nghĩa nông dân lật đổ, đời Tần do Trần Hiệp và Ngô Quảng lãnh đạo, đời Hán thì do anh em Trương Giác lãnh đạo (cuộc khởi nghĩa khăn vàng). Cuối Hán thì chính quyền tan rã, các địa phương đánh chiếm lẫn nhau, tạo thành cục diện hỗn chiến đầu thế kỷ III, tức là thời Tam quốc: Ngụy, Thục, Ngô.

Đế quốc tập quyền trung ương xuất hiện thì tình trạng “trần nhà đua tiếng” thời Chiến quốc chấm dứt. Lý Tư là đại thần triều Tần chủ mưu việc đốt sách chôn nho, bác bỏ các thứ chính trị dựa vào nhân nghĩa tài trí; thủ tiêu quyền tham gia chính trị của các học giả và thuyết khách. Nhưng đầu Hán, học thuyết “bách gia chư tử” còn tranh nhau địa vị. Tình trạng đó không có lợi cho vương triều thống nhất, Hán Vũ Đế bèn chỉ tôn sùng đạo Nho, trọng dụng Đông Trọng Thư. Sự thống trị tư tưởng đó có ảnh hưởng không tốt đến văn học thời bấy giờ (Ủng hộ hành động quân sự, chính trị của Hán Vũ Đế, hoặc cổ động tuyên truyền và mua vui cung đình...).

#### *1.5.1. 2. Tình hình văn học Tần Hán*

Triều Tần tồn tại rất ngắn lại xem khinh văn hóa nên những gì có thể nói về mặt văn học rất ít. Đại để chỉ có một bộ *Lã Thị Xuân Thu* (sáng tác tập thể từ các môn khách của Lã Bất Vi, gồm 12 kỷ, 8 lãm, 6 luận) và một bài *Gián Trục Khánh Thư* của Lý Tư. *Lã Thị Xuân Thu* lấy Nho học làm trung tâm, lại gom thêm các học thuyết thời tiền Tần, lấy chính trị làm chủ yếu, phản ánh rộng; lập luận trước rồi mới dẫn chứng qua sự thật lịch sử và những câu chuyện ngụ ngôn; văn tự giản dị, rõ ràng, có tính hình tượng.

*Phủ đời Hán là thể loại phát triển rực rỡ nhất.* Nó là một thứ văn học quý tộc, đại bộ phận phục vụ cho giai cấp thống trị phong kiến.

*Thơ ca đời Hán có các thể loại như Nhạc phủ* (phần dân ca trong nhạc phủ), thơ Cổ thi (bắt chước dân ca nhạc phủ trong phạm vi những bài nói tình yêu, chứ không phản ánh được những mâu thuẫn gay gắt trong xã hội). *Đặc biệt nhất là sự xuất hiện và trưởng thành của thể loại thơ ngũ ngôn.* Bài ngũ ngôn của văn nhân đời Hán có sớm nhất là bài *Vịnh sử thi* của Ban Cố, sau đó là thơ của Tô Vũ và Lí Lăng...

*Văn xuôi* đáng chú ý nhất là Sử ký của Tư Mã Thiên. *Phê bình văn học* tiêu biểu như Vương Sung.

#### *1.5.2. Tác giả Tư Mã Thiên*

##### *1.5.2.1. Giới thiệu nội dung, nghệ thuật của Sử ký*

- Cuộc đời tác giả Tư Mã Thiên

Tác giả *Sử ký* là Tư Mã Thiên, tự Tử Trường, sinh năm 145 trước công nguyên, mất khoảng năm 86 trước công nguyên, thọ 60 tuổi (theo Vương Quốc Duy: *Thái Sử công hành niên khảo*).

Về cuộc đời và tư tưởng Tư Mã Thiên có mấy điều đáng chú ý:

+ Tư Mã Thiên là con Tư Mã Đàm, Thái sử lệnh của nhà Hán. Chức quan này lo việc chép sử cho triều đại mình sống, ngoài ra còn coi thiên văn, làm lịch, bói toán v.v... (Việc chép sử, nhất là chép sử thời mình sống đòi hỏi lòng dũng cảm bảo vệ sự thật. Ví dụ: nhà chép sử nước Tề vì chép việc Thôi Trữ giết vua mà bị chém, người em lên thay vẫn chép "Thôi Trữ giết vua mình là Trang Công lại bị chém, người em thứ ba lên thay vẫn chép thế, Thôi Trữ không dám giết).

Tư Mã Đàm có ý định viết sử nhà Hán, nhưng chưa kịp làm thì chết. Ông dặn con phải thực hiện ý định đó của mình.

Để bắt tay vào viết bộ *Sử ký*, Tư Mã Thiên đã hai lần đi du lịch hầu khắp đất nước Trung Quốc.

Năm 20 tuổi ông đi du lịch miền Trung du hạ du sông Trường giang và các tỉnh Sơn đông, Hà Nam, ông lên núi Cối Kê khảo sát sự tích vua Vũ Thông cứu giang, nghe chuyện Việt Vương Câu Tiễn, đến sông Mịch La khóc Khuất Nguyên, đến sông Thương thăm mộ vua Thuấn, đến Tây Hồ sưu tầm truyền thuyết về Tây Thi, Phạm Lãi. Rồi lên miền Bắc thăm quê Khổng Tử, xem "miếu, xe cộ, quần áo, lễ khí", trong miếu đường ở Khúc Phụ, nghe kể chuyện Trần Thiệp, thăm di tích Mạnh Thường Quân. Thăm quê Lưu Bang... Chuyến du lịch kéo dài ba tháng, đi lại hàng vạn cây số.

Năm 35 tuổi ông lại đi du lịch lần thứ hai, về phía Tây Nam, đến các tỉnh Tứ Xuyên, Vân Nam.

Ngoài hai lần du lịch đó, ông thường theo Hán Vũ đế đi kinh lý các nơi. Đến đâu ông cũng hỏi han, ghi chép về hình thế sông núi, phong thổ, nhân tình, truyền thuyết. Có thể nói dấu chân Tư Mã Thiên còn lưu lại trên khắp đất nước Trung Quốc (trừ Quảng Đông, Quảng Tây). Thời bấy giờ, giao thông khó khăn, trộm cướp như ong, việc đi du lịch của ông là một hành động dũng cảm của người làm công tác khoa học. Có thể dùng danh từ ngày nay "đi thực tế" để khẳng định thái độ khoa học của Tư Mã Thiên.

+ Họa Lý Lăng. Sau khi cha chết, Tư Mã Thiên được nối nghiệp cha làm Thái sử lệnh của Hán Vũ đế. Ông có điều kiện "thu thập các sách sử trong nhà đá, rương vàng" chuẩn bị viết *Sử ký*. Ông viết miệt mài được sáu năm thì xảy ra họa Lý Lăng. Lý Lăng

cháu của danh tướng Lý Quang (Lý tướng quân liệt truyện) cầm 5000 quân đánh dẹp Hung nô, bị 8 vạn quân Hung nô bao vây. Chiến đấu suốt mười ngày, giết hơn vạn địch, Lãng bị bắt và đầu hàng. Hán Vũ đế nổi giận định trừng phạt Lãng. Nhân vua hỏi, Tư Mã Thiên đã phân trần hộ Lý Lãng. (Lý Lãng dũng cảm, có thể sánh với các danh tướng, nay thất thế nhưng chắc chắn còn tìm cơ hội báo đáp) không ngờ Vũ đế nổi giận, bắt giam Tư Mã Thiên, giao pháp quan xét xử. Ông bị cung hình (cắt bộ phận sinh dục) một trong năm hình phạt thảm khốc thời cổ (khắc vào mặt, xẻo mũi, cắt dương vật, chặt chân, cắt đầu...). Luật nhà Hán có thể dùng tiền chuộc, nhưng nhà nghèo, bạn bè không ai giúp, ông không có cách gì khác. Trong nhà giam bị hành hạ, nhiều phen ông định tự tử, nhưng nhớ đến tác phẩm chưa thành, ông noi gương Khổng Tử (giữa thời loạn vẫn viết *Kinh Xuân Thu*), Khuất Nguyên (bị đi đày vẫn viết *Ly tao*) quyết tâm hoàn thành bộ *Sử ký*. Ông mất vào đây 6,7 năm nữa, cộng tất cả 12 năm để hoàn thành tác phẩm vĩ đại này.

*Sử ký* là trước tác duy nhất của Tư Mã Thiên (ông chủ trì việc sửa lại lịch Thái Sơ tức là *nông lịch* bây giờ. Đó là toàn bộ tâm huyết của ông.

- Giá trị nội dung

+ *Giá trị sử học của Sử ký*

*Sử ký* là sách lịch sử, là tác phẩm lịch sử vĩ đại của nhân loại. Đó là bộ sử đồ sộ đầu tiên của loài người viết về một dân tộc, về một nước, trong một thời gian gần 3000 năm từ Hoàng đế đến Hán Vũ đế. Đó cũng là bộ sử đặc biệt vì nó bao gồm mọi mặt về đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hoá, luật pháp... Những thiên như *Hà cửu thư*, *Bình chuẩn thư* có thể nói là sách kinh tế học. Ông đánh giá các chế độ chính trị, có ý kiến về các thiết chế lễ, nhạc, về tư tưởng và trước tác các nhà văn... *Sử ký* là bộ bách khoa toàn thư của Trung Quốc về thời cổ. Quách Mạt Nhược nói: "Công lao của Tư Mã Thiên so với Khổng Tử không hơn không kém".

*Sử ký* là một tác phẩm đồ sộ 52 vạn chữ, 130 thiên, gồm 5 phần: bản kỷ, biểu, thư, thế gia, liệt truyện.

*Bản kỷ* ghi chép sự tích các đế vương (ngũ đế: Hoàng đế, Chuyên, Húc, Cốc, Nghiêu, Thuán; Hạ, Thương Chu; Tân; Hạng Vũ, Hán Cao tổ, Lữ hậu, Hiếu văn, Hiếu cảnh, Hiếu vũ) tất cả 12 bản kỷ. Đặc biệt ông làm bản kỷ của Hạng Vũ mặc dù Hạng Vũ chưa làm đế nhưng là người có công lớn nhất trong việc tiêu diệt Tần, là người phong đất cho các chư hầu cai trị trong vòng năm năm; làm bản kỷ Lữ hậu mà không làm bản kỷ Huệ đế vì trên thực tế Lữ thái

hậu thao túng mọi quyền. Bản kỷ không chỉ ghi chép niên biểu mà còn đi sâu vào các sự kiện, tính cách các nhân vật. Nó là sử nhưng cũng là văn học, là mọi loại truyện ký.

*Biểu*: là bảng đối chiếu các sự kiện căn cứ vào niên đại. Có mười biểu (niên biểu sáu nước thời Chiến quốc, niên biểu mười hai nước chư hầu...). Đây là những công trình sử học rất nghiêm túc và có giá trị.

*Thư*: Nói về các chế độ chính sách- gồm tám thư như lễ thư, nhạc thư, luật thư, lịch thư, phong thiện thư (cúng bái), Hà cừ thư (sông đào), Bình chuẩn thư.

Nhìn chung, với tư cách một bộ sử, *Sử ký* có những ưu điểm sau:

\* Quan điểm của Tư Mã Thiên là duy vật và khoa học. Ông không thần bí hoá vua chúa. Không coi việc trị vì của giòng họ là mệnh trời. Theo ông, sự thay đổi các triều đại là có quy luật, đó là sự vận động của lịch sử, "như dòng sông chảy, sóng xô mù nên". Các sử gia đời sau đã huyền bí hoá sự xuất hiện của Hán cao tổ Lưu Bang. (Trong *Sử ký* chúng ta thấy rõ cuộc đời thực của Lưu Bang từ một anh *đình trưởng tầm thường* ở vùng sông Tứ, nhân *đưa những người đi đày đến Lịch Sơn*, quá hạn, tội chém nên cùng họ khởi nghĩa, rồi nhân có cuộc khởi nghĩa nông dân của Trần Thiệp mà *cướp lấy huyện Bái gây dựng cơ đồ*. *Cách lý giải việc dựng nghiệp của Lưu Bang* là thực và có sức thuyết phục.

\* Nói về một triều đại, Tư Mã Thiên cũng biết đặt nó trong tương quan một chế độ chính trị, một chế độ kinh tế và văn hoá. Cách nhìn này khoa học hơn các nhà biên niên sử chỉ ghi chép sự tích các vua chúa.

Bằng quan điểm duy vật và khoa học, *Sử ký* là một bộ sử có giá trị mà đến nay vẫn được dùng làm căn cứ khi nghiên cứu lịch sử xã hội cổ đại Trung Quốc.

Tư Mã Thiên có quan điểm nhân dân khi ông viết sử. Đối với ông, lịch sử không phải do vua chúa làm ra. Ông chú ý đến tác dụng của quảng đại quần chúng nhân dân đối với sự phát triển của lịch sử. Ông ca ngợi Trần Thiệp Ngô Quảng, những lãnh tụ khởi nghĩa nông dân đời Tần, và chỉ rõ chính cuộc khởi nghĩa của họ đã là nguyên nhân đầu tiên đưa đến sự sụp đổ của đế quốc Tần. Ông đưa Trần Thiệp vào "thế gia" (Ban Cố (Hán thư) lại đưa xuống liệt truyện). Ông chú ý đến tác dụng của con người bình thường và đưa họ vào sử sách như các nhà tư tưởng, nhà văn, nhà thơ, hiệp khách v.v... Bởi vậy, đọc *Sử ký* chúng ta thấy được bộ mặt thực của xã hội hơn.